

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

Án số: 88 /2017/HSST
Ngày: 08 - 9 - 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Sang

Ông Bùi Sỹ Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 99/2017/HSST ngày 11 tháng 8 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2017/HSST-QĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÊ VĂN B**, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bi, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Chỗ ở: Thôn Xuân B, xã Thụy X, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Danh chỉ bản số 4110 do Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 01/6/2017; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Lê Văn M, đã chết và con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1985. Có 02 con: Con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản thân được gia đình cho ăn học hết lớp 6/12 sau đó nghỉ ở nhà lao động tự do.

Bị tạm giữ từ ngày 31/5/2017 đến ngày 03/6/2017 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình cho đến nay. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Văn T, sinh năm 1982, trú tại số nhà 07, tổ 02, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Đắc S, sinh năm 1967; Trú tại thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1956; Trú tại thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 31/5/2017, Lê Văn B thuê xe ôm của một người không biết tên, tuổi, địa chỉ đến khu vực ngã tư thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình gặp và mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ 300.000 đồng được 05 gói ma túy. B mang số ma túy này về nhà Bình sử dụng hết 02 gói ma túy, còn 03 gói ma túy Bình cất vào trong túi quần phía trước bên phải đang mặc, mục đích nếu có ai mua thì bán. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Văn T đến nhà Bình hỏi mua 300.000 đồng ma túy. B lấy 03 gói ma túy trong túi quần đưa cho T. Khi Túng lấy tiền trả cho B thì bị Công an Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Thái Bình bắt quả tang. Trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương và những người làm chứng là ông Nguyễn Đắc S, sinh năm 1967; Trú tại thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình và ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1956; Trú tại thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, Cơ quan điều tra kiểm tra người Phạm Văn T, thu tại túi quần phía trước bên phải T đang mặc 03 gói, được gói bằng giấy có in chữ nhiều màu, bên trong đều chứa chất bột màu trắng dạng cục, T khai nhận đây là ma túy T vừa mua của Lê Văn B với giá 300.000 đồng để sử dụng cho bản thân. Kiểm tra người Lê Văn B thu tại túi quần bên phải phía trước B đang mặc số tiền 300.000 đồng, là tiền B vừa bán ma túy cho T mà có. Cơ quan điều tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, quản lý, niêm phong vật chứng đã thu giữ đồng thời tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của B tại thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình không thu giữ gì.

Bản Kết luận giám định số 185/KLGD-PC54 ngày 31/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu gửi giám định thu giữ của Phạm Văn T là ma túy, loại Heroine (Hêrôin), có trọng lượng **0,0313 gam**.

Bản cáo trạng số 97/KSĐT ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo Lê Văn B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa B đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Lê Văn B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 31/5/2017; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền; Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có; Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không có ý kiến, tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng; Bản kết luận giám định số 185/KLGD-PC54 ngày 31/5/2017; Bản tự khai và biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn T và những người làm chứng là ông Nguyễn Đắc S, ông Nguyễn Minh T; Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Ma túy là vật cấm lưu hành, bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức về tác hại của ma túy, nó không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an. Song bị cáo vẫn thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác, mục đích để kiếm lợi với lỗi cố ý. Theo bản kết luận giám định số 185/KLGD-PC54 ngày 31/5/2017, số ma túy thu được của bị cáo là ma túy, loại Heroine (Hêrôin), có trọng lượng 0,0313 gam.

Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Có căn cứ xác định bị cáo sống cùng mẹ đẻ trong nhà không có tài sản gì đáng giá nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Số ma túy thu giữ được của bị cáo là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 300.000 đồng là tiền bị cáo thu được từ việc bán ma túy mà có nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với người bán ma túy cho B ở ngã tư thị trấn Diêm Điền vào sáng ngày 31/5/2017 và người xe ôm Bình thuê chở xuống thị trấn Diêm Điền để đi mua ma túy,

B không biết tên, địa chỉ, đặc điểm nhận dạng của họ, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xác minh.

Đối với hành vi đi mua ma túy về sử dụng của Phạm Văn T, kết luận giám định xác định lượng ma túy không đủ truy cứu trách nhiệm hình sự nên Phòng cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh Thái Bình đã ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức “Cảnh cáo” đối với Tùng nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn B phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lê Văn B 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 31/5/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 41 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ 0,0137 gam ma túy hoàn trả sau giám định tại phong bì niêm phong số 185/KLGD;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có.

(Số vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 11/8/2017)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/9/2017. Vắng mặt anh T báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hằng